

Bản án số: 02/2019/HS-ST  
Ngày: 29 - 8 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Minh Đoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Liệu và ông Nguyễn Xuân Xình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Định - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Công C.**

Sinh ngày 18/6/1985; tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Công B và bà Lê Thị X.

Vợ là Vũ Thị C - sinh năm 1996; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị bắt quả tang ngày 17/4/2019, bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 17/6/2019 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Công B (Tên gọi khác: Lê Hồng B).**

Sinh ngày 12/01/1954; tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Công V và bà Vũ Thị M.

Vợ là Lê Thị X - sinh năm 1957; có 05 con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị bắt quả tang ngày 17/4/2019, bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 05/6/2019 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Vũ Hữu B.**

Sinh ngày 10/10/1993; tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.  
Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;  
tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.  
Con ông Vũ Hữu K và bà Lê Thị Q.  
Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có.  
Bị bắt quả tang ngày 17/4/2019, bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 05/6/2019 thay đổi  
biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.  
Hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Lê Công B.**

Sinh ngày 14/6/1992; tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa.  
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.  
Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;  
tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.  
Con ông Lê Công B và bà Lê Thị X.  
Vợ là Lê Thị H, sinh năm 1993; có 01 con, sinh năm 2018.  
Tiền án, tiền sự: Chưa có.  
Nhân thân: Ngày 11/3/2010, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt  
12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội "Cố ý gây  
thương tích".  
Bị bắt quả tang ngày 17/4/2019, bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 05/6/2019 thay đổi  
biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.  
Hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Lê Văn T.**

Sinh ngày 14/6/1996; tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa.  
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.  
Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;  
tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.  
Con ông Lê Văn N và bà Lê Thị S.  
Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có.  
Bị bắt quả tang ngày 17/4/2019, tạm giữ, tạm giam đến ngày 17/6/2019 thay đổi  
biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.  
Hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Phạm Văn V.**

Sinh ngày 10/4/1993; tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa.  
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.  
Nghề nghiệp: Ngư nghiệp; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;  
tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.  
Con ông Phạm Văn M và bà Lê Thị L.  
Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có.  
Bị bắt quả tang ngày 17/4/2019, tạm giữ, tạm giam đến ngày 05/6/2019 thay đổi  
biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.  
Hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** + Anh Dương Văn S, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu K, phường C, thị xã  
Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

+ Anh Trần Văn Th, sinh năm 1968; nơi cư trú: Xóm 1, xã N huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- **Người tham gia tố tụng khác:**

Những người làm chứng: Anh Dương Văn T, anh Vũ Văn C, anh Nguyễn Văn S - đều vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30' ngày 17/4/2019, tại khu vực vùng biển Ba Rau, thuộc huyện CT, tàu vỏ gỗ biển số TH-91390-TS của Lê Công C do Lê Công B điều khiển để thả lưới lồng bắt ghẹ, trên tàu có Lê Công C, Vũ Hữu B, Phạm Văn V, Lê Văn T và Lê Công B. Khi B đang điều khiển tàu thả trôi thì có anh Dương Văn T điều khiển tàu vỏ gỗ biển số QN-3204-TS, trên tàu có anh Trần Văn T và anh Dương Văn S cập vào mạn bên phải, phía sau tàu của C để yêu cầu C kéo lồng ghẹ lên gây ra va chạm giữa hai tàu. C cho rằng anh T có ý đâm tàu của C nên đã chạy vào khu vực bếp của tàu biển số TH-91390-TS lấy 01 con dao nhảy sang tàu anh T, còn B cầm theo chiếc búa và V không cầm gì theo C nhảy sang mũi tàu của anh T. Khi sang tàu của anh T, C thấy anh T ở mũi tàu nên dùng dao chém anh T nhưng không trúng, anh T nhảy xuống biển, C tiếp tục dùng dao vào khu vực ca bin tàu chém anh T một nhát vào tay trái, anh T chạy ra ngoài khoang lái gặp B thì hai bên vật nhau, anh T giằng được búa của B. Trong lúc vật lộn anh T bị rơi xuống biển cùng chiếc búa. Sau khi chém anh T xong, C đi đến phía sau lái tàu thấy anh S đang cầm dao vá lưới, C dùng dao chém anh S một nhát vào bắp tay trái. B và V cũng đi đến chỗ anh S, lúc này C bảo B và V băng bó vết thương cho anh S và trói anh S lại, B và V đưa anh S lên mũi tàu, V vào khu vực bếp của tàu biển số QN-3204-TS lấy 01 con dao chặt một đoạn dây thừng đưa cho B để trói anh S, nhưng B không cầm mà lấy một đoạn dây thừng dài 6,1m đường kính 0,012m ở mũi tàu trói hai tay của anh S về phía sau lưng, sau đó tiếp tục trói anh S vào cột gần tời neo phía trước mũi tàu. Đối với tàu biển số TH-91390-TS do B điều khiển, trên tàu còn có B và T, lúc này B thấy anh T, anh T đang ở dưới nước nên B điều khiển tàu quay lại và bảo B, T ném dây để kéo anh T và anh T lên tàu nhưng chỉ kéo được anh T, còn anh T không lên mà bơi ra xa và được tàu anh Vũ Văn C vớt lên. Khi kéo được anh T lên tàu, B bảo B và T trói anh T lại, B lấy 01 đoạn dây thừng cầm 01 đầu trói hai tay anh T về phía sau lưng, T cầm 01 đầu dây trói 02 cổ chân anh T vào với nhau, đầu dây buộc anh T vào cột gỗ gần mũi tàu. Sau khi trói anh T xong, B điều khiển tàu biển số TH-91390-TS chạy trước theo hướng Tây-Tây Nam, C điều khiển tàu biển số QN-3204-TS của anh T chạy theo sau, thấy vậy anh Vũ Văn C gọi điện báo cho Đoàn Biên phòng TL biết. Khoảng 18 giờ 10 phút cùng ngày khi hai tàu đang di chuyển đến tọa độ  $20^{\circ}58'00''N-107^{\circ}41'00''E$  thì bị tổ công tác Đoàn Biên phòng TL và Đoàn Biên phòng Cô Tô phối hợp bắt quả tang, thu giữ được vật chứng.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 19 giờ 30' ngày 17/4/2019 thể hiện trên tàu QN-3204-TS có Lê Công C, Vũ Hữu B, Phạm Văn V bắt trói anh Dương Văn S, trên tàu TH 91390-TS có Lê Công B, Lê Công B, Lê Văn Th bắt trói anh Trần Văn T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai:

Bị cáo Lê Công C khai nhận: Khoảng 15 giờ 30' ngày 17/4/2019 tàu của bị cáo có biển số TH 91390-TS đang thả lồng ghẹ tại vùng biển thuộc huyện CT, trên tàu có bị cáo, B, V, Th, B và bố bị cáo là Lê Công B điều khiển tàu. Lúc tàu đang thả trôi, thì có một tàu chã, sau này bị cáo biết là tàu của anh T chạy đến đâm vào mạn thuyền phía sau cabin bên phải tàu của bị cáo, do bị đâm tàu bị nghiêng sang trái, bị cáo lúc đó rất bức xúc nên bị cáo vào bếp tàu bị cáo lấy 01 con dao nháy sang tàu của anh T, thấy anh Th đang đứng ở mũi tàu, bị cáo giơ dao để đánh anh T, anh T liền nhảy xuống biển, bị cáo quay lại thấy anh V, B cũng nhảy sang tàu anh Tuyên, bị cáo sang cabin tàu thấy anh Tuyên đang lái tàu bị cáo cầm dao chém trúng vào cổ tay trái anh T, anh T bỏ chạy, bị cáo nhìn ra phía sau đuôi tàu thấy anh S đang ngồi tay cầm con dao, xung quanh có lưới, bị cáo sợ anh S tấn công nên đã dùng dao chém một nhát vào bắp tay trái anh S, anh S nói chỉ là người làm thuê, nên bị cáo đã xin lỗi anh S và bảo B, V băng bó vết thương cho anh S và trông giữ anh S ở phía trước cabin tàu. Sau đó bị cáo đi lên mũi tàu nói với bố chạy về nơi gần nhất để nhờ lực lượng chức năng giải quyết, lúc đó tàu của bố bị cáo cách tàu anh T khoảng 10m, bị cáo thấy tàu bố quay lại để vớt anh Th, nhìn thấy Bằng, T quăng dây kéo anh Th lên tàu, bố bị cáo tiếp tục lái tàu đến vớt anh T nhưng anh T bơi ra xa đến tàu chã khác. Thấy tàu bố bị cáo điều khiển quay đầu chạy về hướng CT, bị cáo liền nói trên bộ đàm bảo chạy về hướng Cô Tô nhưng do bộ đàm bị hỏng bị cáo B không nghe được. Khi bị cáo vào trong cabin tàu, bị cáo có nói với B, V trói anh S lại thì V chạy về phía sau lái lấy dao chặt một đoạn dây thừng rồi đi lên phía trước cabin và đưa cho B, nhưng B không cầm dây, bị cáo thấy V vẫn cầm dao đứng cạnh anh S, khi bị cáo ra ngoài nói với bị cáo B là chạy về CT thì thấy B, V đưa anh S lên trên mũi tàu, bị cáo bảo B, V đưa anh S lại cái cọc đằng mũi tàu và trói lại, mục đích giữ anh S làm bằng chứng việc tàu anh T đâm vào tàu bị cáo, không cho anh S nhảy xuống biển. Trong lúc bị cáo quan sát 5 đến 6 tàu chã, khi quay lại thấy anh S đã bị trói trên người có phủ chăn, còn B, V đi vào trong cabin tàu nằm. Bị cáo điều khiển tàu khoảng 1 giờ thì bị lực lượng biên phòng đến bắt giữ. Bị cáo điều khiển tàu của anh T nhằm mục đích đưa tàu về CT để giải quyết va chạm, tàu bị cáo bị đâm va thiệt hại nhỏ, không đáng kể nên không đề nghị bồi thường thiệt hại.

Bị cáo Lê Hồng B khai: Khoảng 15 giờ ngày 17/4/2019 bị cáo đang lái tàu thả lồng ghẹ ở khu vực biển CT khi tàu đang thả trôi thì tàu anh T chạy đến đâm thẳng vào phía sau cabin phải tàu, lúc đó bị cáo thấy C, B, V nhảy lên tàu anh T không biết có cầm theo đồ vật gì không. Bị cáo lái tàu ra xa tàu anh T thì thấy anh Thê, anh T đang bơi dưới biển, bị cáo lái tàu đến chỗ anh Th và bảo B, T vớt Th lên thì B, T ném dây cho Th rồi kéo Th lên tàu. Sau đó bị cáo bảo B, T lấy dây trói anh Th lại, khi đó anh Th có nói anh Th là người Thanh Hóa, chỉ là người làm thuê, thì bị cáo vẫn bảo trói anh Th lại. Nghe nói vậy B, T mới trói anh Th, Bằng, T dùng dây thừng trói tay, trói chân anh Th và buộc dây thừa vào cột gỗ gần đó, sau đó bị cáo chạy tàu đến chỗ anh T để vớt anh T nhưng anh T không lên, lúc đó có một tàu chã chạy đến vớt anh T lên, bị cáo quay tàu chạy về hướng CT để trình báo. Lúc này bị cáo thấy B, T ngồi cạnh anh Th, tay phải, chân phải anh Th đã được nói dây, chỉ tay trái, chân trái bị buộc dây và một đầu dây buộc vào cột sắt. Khi tàu chạy về hướng CT bị cáo có nói trên đàm báo C lái tàu anh Tuyên về CT để nhờ cơ quan

chức năng giải quyết, bị cáo lái tàu được khoảng 1 giờ thì lực lượng Biên phòng đến bắt giữ. Sự việc xảy ra trên tàu anh T diễn ra như thế nào bị cáo không biết, bị cáo không liên lạc, bàn bạc với C về việc trói anh Th, anh S.

Bị cáo Vũ Hữu B khai: Khi bị tàu anh T đâm va, bị cáo cầm búa đập mỗi nháy sang tàu anh T để hỏi xem tại sao đâm vào tàu của bị cáo. Khi sang tàu bị cáo và anh T đã xông vào ôm vật nhau, anh T rơi xuống biển, nhìn xuống phía đuôi tàu, bị cáo thấy anh S trên bắp tay trái đang chảy máu, lúc này C bảo bị cáo đưa anh S về phía trước ca bin tàu và băng bó cho anh S thì bị cáo liền lấy đồ băng bó vết thương cho anh S. Khoảng 10 phút sau trong lúc C lái tàu C bảo bị cáo và V đưa anh S ra đằng trước trói lại không anh S nhảy xuống biển. Nghe C nói vậy bị cáo liền đưa anh S lên trên mũi tàu, còn V đi phía sau bị cáo, khi đến mũi tàu bị cáo để anh S ngồi gần cọc phoi quần áo, bị cáo nhặt 01 đoạn dây có sẵn gần đó quấn dây một vòng vào cổ tay trái, một vòng vào cổ tay phải anh S và buộc thắt nút lại, bị cáo trói hai tay anh S ở phía sau lưng anh S, khoảng 05 phút sau anh S kêu lạnh, bị cáo bảo V lấy chăn ở trong cabin phủ lên người anh S, sau đó bị cáo lấy đoạn dây thừa cuộn vào chân và buộc một đầu vào cọc dây phoi quần áo, bị cáo có nói rộng dây buộc tay phải anh S ra. Trong lúc ngồi cạnh trông giữ anh S thì C lại nói trói anh S không anh S nhảy xuống biển thì bị cáo liền lấy đoạn dây này trói anh S tay phải anh S vẫn buộc một vòng dây, bị cáo quấn tiếp một vòng vào hai cổ chân anh S rồi buộc thắt nút, đoạn dây thừa buộc vào cọc phoi quần áo. Sau đó bị cáo lại phủ chăn lên người anh S. Bị cáo thấy C lái tàu chạy theo tàu bị cáo B, đi đâu không biết, khoảng 30 phút sau thì lực lượng biên phòng đến bắt giữ. Sự việc xảy ra trên tàu biển số TH 91390-TS bị cáo không biết.

Bị cáo Phạm Văn V khai: Khi hai tàu xảy ra va chạm, Cg, B nhảy sang tàu anh T, bị cáo cũng nhảy sang. Trên tàu nghe thấy C nói “trói lại”, bị cáo hiểu là C bảo bị cáo và B trói anh S lại, nghe C nói vậy bị cáo ra phía sau tàu lấy 01 con dao ở bếp chặt một đoạn dây thừng đi lên phía trước cabin đưa dây thừng cho B để B trói anh S nhưng B không cầm dây vì B đang chỉnh lại băng bó vết thương cho anh S. Bị cáo vứt dây xuống sàn tàu, tay vẫn cầm con dao để phòng anh S chống lại thì sẽ đánh. Sau đó B đưa anh S lên trên mũi tàu để trói anh S, bị cáo cầm dao theo sau B và anh S để bảo vệ cho B trói anh S. B để anh S ngồi sát cọc ở trên mũi tàu, rồi lấy dây thừng ở trên mũi tàu trói anh S lại, bị cáo vẫn đứng phía sau B để bảo vệ B trói anh S, nếu anh S chống lại sẽ đánh, sau khi B trói xong bị cáo xuống bếp ở sau cabin cất dao. Thấy anh S bảo lạnh, bị cáo vào trong cabin tàu lấy chăn phủ lên người cho anh S, rồi quay vào trong cabin ngồi thì nghe thấy tiếng bị cáo B nói trên bộ đàm vọng ra bảo chạy về hướng CT, C trả lời nội dung gì bị cáo không để ý, nhưng bộ đàm hỏng không nói được. Sau đó C ra ngoài cửa cabin bảo tàu B chạy trước, C chạy theo sau. Khi S bị trói bị cáo và B có đi lại trên tàu để ý xem anh S có hành động gì không. Tàu chạy được khoảng 1 tiếng thì lực lượng biên phòng đến bắt giữ các bị cáo. Trong lúc trói anh S bị cáo thấy B, T đang kéo ông Th lên tàu TH 91390-TS, còn sự việc xảy ra trên tàu TH 91390-TS bị cáo không biết.

Bị cáo Lê Văn T khai: Tàu anh T đâm vào tàu của bị cáo mắc vào ca bin tàu thì C, B, V nhảy sang tàu anh T, khi đó B điều khiển tàu chạy ra xa tàu anh T. Thấy ông Th rơi xuống nước, thì B bảo kéo lên không sẽ chết, sau đó B lấy một đoạn dây

thùng ném xuống cho ông Th bám vào dây, bị cáo và B kéo ông Th lên tàu, khi lên tàu để ông Th mặc quần, sau đó B bảo bị cáo và B trói ông Th lại, nghe B nói vậy, bị cáo và B đưa ông Thế đi lên phía trước cabin tàu, Bằng cầm tay ông Th dắt đi còn bị cáo đi theo sau để trông giữ ông Th, B để ông Th ngồi xuống sàn tàu, rồi đi lên trước lấy 01 đoạn dây thùng đưa cho bị cáo một đầu dây và bảo bị cáo buộc chân ông Th lại. Bị cáo lấy đầu dây quấn vào hai cổ chân ông Th theo hình số 8 khoảng 2 đến 3 vòng rồi buộc thắt nút lại, phần đầu dây thừa ra bị cáo buộc vào cọc gỗ, lúc đó B dùng đầu dây còn lại buộc hai tay ông Th lại, ở phía sau lưng ông Thế, rồi Bằng quấn khoảng 3 vòng và thắt nút lại, đoạn dây thừa B buộc vào cọc sắt, để ông Th không chống cự lại hay nhảy xuống biển, lúc sau bị cáo và B nói lỏng dây buộc ở tay, chân cho ông Th nhưng vẫn buộc vào cột gỗ, cọc sắt để ông Th không di chuyển được, sau đó B điều khiển tàu đến vị trí anh T đang bơi dưới biển để vớt anh T nhưng anh T không lên. Khi tàu chạy về hướng CT được khoảng 1 tiếng thì bị lực lượng biên phòng bắt giữ.

Bị cáo Lê Công B khai: Khi hai tàu xảy ra va chạm, bị cáo thấy C, B, V nhảy sang tàu anh T, thấy trên tàu anh T xảy ra xô sát nhưng cụ thể thế nào không rõ vì bị tàu che khuất. Bị cáo nhìn thấy dưới biển có 01 người đang bơi sau này biết tên là Th thì bố bị cáo là B lái tàu quay lại chỗ ông Th và có nói cho ông Th lên không chết đấy, nghe B nói vậy bị cáo chạy về mũi tàu cầm đoạn dây quăng xuống vị trí ông Th đang bơi, bị cáo và T cùng kéo ông Th lên tàu, ông Th lên tàu mặc quần thì B bước ra cửa ca bin tàu bảo bị cáo và T trói ông Th lại, nghe nói vậy bị cáo và T đưa ông Th lên phía trước để trói, khi đến gần máy tời lồng ghẹ bị cáo để ông Th ngồi xuống, bị cáo lấy một đoạn dây thùng ở trên mặt sàn tàu bảo ông Th đưa tay ra sau lưng rồi cầm đầu dây quấn ba vòng vào hai cổ tay ông Th buộc thắt nút lại, đoạn dây còn thừa buộc vào cọc kim loại, bị cáo thấy T lấy đầu dây còn lại trói chân ông Th lại, đoạn dây còn thừa T buộc vào cột gỗ gần đó để không cho ông Th di chuyển được. Lúc sau không thấy ông Thế có biểu hiện gì đánh lại nên bị cáo và T có nói lỏng dây buộc tay, chân ông Th nhưng vẫn cột hai đầu dây vào cọc sắt, cọc gỗ để ông Th không đánh lại hay nhảy xuống biển được. Trói ông Th xong, bị cáo và T vẫn ngồi gần để trông và quan sát ông Th, khi đó tàu lái hướng về đảo CT được khoảng 1 tiếng thì lực lượng biên phòng đến bắt giữ.

Các bị cáo đều khai nhận việc bắt trói anh Th, anh S không có sự bàn bạc, trao đổi với nhau và thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã cùng nhau bồi thường thiệt hại cho anh Th, anh S mỗi người số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được giáo dục, cải tạo tại địa phương.

Người bị hại anh Dương Văn S có lời khai: Vào khoảng 17 giờ ngày 17/4/2019 tôi đang vá lưới phía sau ca bin tàu QN-3204-TS, chú Th đang thu quần áo phía trước tàu còn anh T đang lái tàu thì tôi thấy tàu cập vào mạn tàu TH-91390-TS hơi mạnh do thời tiết gió to thì C, B, V nhảy sang tàu chúng tôi, C cầm dao chém chú Th, chú Th tránh được nhảy xuống biển, tiếp theo C chém T trúng vào phía trên cổ tay, anh T nhảy xuống biển, thì C lao tới cầm dao chém vào bắp tay trái tôi, rồi C vào cabin tàu lái tàu chạy về hướng Nam. B đến chỗ tôi xem vết thương, băng bó vết

thương cho tôi. Sau đó B và V đưa tôi lên phía trước mũi tàu bảo tôi ngồi xuống cạnh trục neo, tôi thấy V đưa cho B đoạn dây thừng và bảo B trói tôi nhưng B không lấy mà tiếp tục đưa tôi lên phía mũi tàu, khi lên mũi tàu B bắt tôi đưa tay về sau lưng và lấy dây thừng ở trước mũi tàu trói tôi lại, tôi kêu đau thì B nói lỏng dây ở tay tôi ra và lấy thêm dây ở mũi tàu trói bụng, chân tôi vào trục neo phía trước mũi tàu, trói xong B vẫn ngồi mũi tàu để canh tôi, tàu chạy được một giờ đồng hồ cách khu vực biên CT khoảng 3 hải lý về phía tây bắc thì xuống tuần tra biên phòng tới yêu cầu chúng tôi về Công an huyện CT làm việc. Sự việc xảy ra, tôi bị thương tích nhưng không đáng kể đã được hồi phục, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho tôi số tiền 30.000.000 đồng, nên tôi không yêu cầu bồi thường thêm, tôi đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho những người bắt tôi.

Bị hại anh Trần Văn Th khai: Khi rơi xuống biển và vẫy tay kêu cứu thì tàu TH-91390-TS chạy lại đưa dây và kéo tôi lên tàu, khi lên tàu có hai người sau này biết là B và T và người lái tàu là B. Sau đó B, T đã dùng đoạn dây kéo tôi lên tàu để trói tôi lại, Bằng trói hai cổ tay tôi vào cọc sắt, Thiện trói hai cổ chân tôi vào cọc tre gỗ phía trước cabin gần mũi tàu, tôi có nói với họ tôi cùng quê, chỉ làm thuê có làm gì đâu mà trói tôi, nhưng ông Bưởi vẫn nói cứ trói tôi lại, sau khi trói tôi xong B và T ngồi cạnh tôi, khoảng một lúc thì B và T nói lỏng dây trói tay và chân tôi ra và đưa phủ cho tôi một chiếc chăn mỏng. Khoảng 30 phút thì lực lượng biên phòng tới, B cói trói tay cho tôi, dây ở chân tôi tự cởi. Sau đó chúng tôi được đưa về Công an huyện CT làm việc. Các bị cáo đã bồi thường cho tôi số tiền 30.000.000 đồng, tôi không đề nghị bồi thường gì thêm và đề nghị cơ quan pháp luật xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người làm chứng anh Dương Văn T có lời khai xác nhận anh điều khiển tàu QN-3204-TS cập tàu TH-91390-TS thì có 03 người sau này biết là C, B, V từ TH-91390-TS nhảy sang tàu và bị C cầm dao chém vào tay trái tôi, B cầm búa đánh, tôi và B giằng co nhau thì tôi rơi xuống biển được tàu anh Vũ Văn C vớt lên tàu. Khi tàu anh Vũ Văn C đuổi theo tàu của tôi, tôi thấy bị cáo C điều khiển tàu của tôi chạy về hướng Nam, anh S đi lên phía mũi tàu đi sau có B, Vinh, lúc đó B dùng dây buộc vào người anh S, V quay lại khu vực cabin tàu QN-3204-TS. Tàu TH-91390-TS chạy trước tàu QN-3204-TS, tôi thấy anh Th bị trói tay, ngồi ở phía trước mũi tàu. Người làm chứng anh Vũ Văn C, anh Nguyễn Văn S có lời khai thể hiện tàu QN-95033-TS đang khai thác thủy sản ở vùng biển Ba Dau thì thấy anh Tuyên dơi xuống biển đã đến đưa anh T lên tàu và đuổi theo tàu của anh T và một tàu chở lồng ghẹ đang chạy về hướng Nam, mục đích xem họ đem tàu đi đâu và đợi lực lượng chức năng đến giải quyết.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSCT ngày 10/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo Lê Công C, Lê Công B, Vũ Hữu B, Lê Công B, Lê Văn Th và Phạm Văn V về tội “Bắt người trái pháp luật”, theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 1 Điều 52; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Lê Công C từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 17/4/2019 đến ngày 17/6/2019).

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 1 Điều 52; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Lê Công B (Lê Hồng B) từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 17/4/2019 đến ngày 05/6/2019).

Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Vũ Hữu B, Lê Công B, Lê Văn T, Phạm Văn V mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Bắt người trái pháp luật”.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng, loại dây bẹ, màu xám dài 6,1 mét, đường kính dây 0,012 mét; 01 đoạn dây thừng, loại dây bẹ, màu xám, dài 20,5 mét, đường kính dây 0,008 mét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nhau, phù hợp với chính lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30’ ngày 17/4/2019, tại khu vực vùng biển BR, thuộc xã Đn, huyện CT, tỉnh Quảng Ninh, các bị cáo Lê Công C, Vũ Hữu B, Phạm Văn V có hành vi bắt và dùng dây thừng trói anh Dương Văn S vào cột gần tời neo trước mũi tàu biển số QN-3204-TS của anh Dương Văn T, mục đích để anh S làm chứng khi giải quyết vụ va chạm giữa tàu biển số TH-91390-TS với tàu biển số QN-3204-TS; trong khoảng thời gian trên các bị cáo Lê Hồng B, Lê Văn T, Lê Công B có hành vi bắt và dùng dây thừng trói anh Trần Văn Th vào cột gần mũi tàu biển số TH-91390-TS của Lê Công C, mục đích để không bị anh Th đánh lại và giữ làm chứng về việc bị

tàu biển số QN-3204-TS đâm. Sau khi bắt trói anh S, anh Th, bị cáo B điều khiển tàu biển số TH-91390-TS chạy theo hướng Tây - Tây Nam, bị cáo C điều khiển tàu biển số QN-3204-TS chạy theo sau. Đến khoảng 18 giờ 10 phút cùng ngày khi hai tàu chạy đến tọa độ 20°58'00N - 107°41'00E thì bị tổ công tác Đoàn Biên phòng T, Đoàn Biên phòng CT phối hợp bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Bắt người trái pháp luật”, được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. *Khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự quy định:*

*“Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, là khách thể được luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của mình gây ra, đảm bảo mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại; các bị cáo C, Lê Hồng B, Bốn, Thiện, Vinh có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Bằng có nhân thân năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lê Công B mới 17 tuổi 02 tháng 28 ngày, nên thuộc trường hợp được coi là không có án tích; bố bị cáo Lê Văn T được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương chiến công hạng 3. Do vậy, các bị cáo Lê Công C, Lê Hồng B, Lê Công B, Vũ Hữu B, Lê Văn T, Phạm Văn V được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tính chất, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo hành động bột phát, không có sự bàn bạc, trao đổi, không phân công ai hay nhóm nào bắt trói anh Th, anh S. Tuy nhiên việc bắt trói anh S do bị cáo C khởi xướng; việc bắt trói anh Th do bị cáo B khởi xướng, nên bị cáo C và B có vai trò ngang nhau, nhưng sự việc xảy ra xuất phát từ bị cáo C, do đó bị cáo C phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo B; các bị cáo Vũ B, V, T, Lê B có vai trò thực hành nên có vai trò ngang nhau và phải chịu mức hình phạt như nhau nhưng thấp hơn bị cáo C, B.

[6] Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo Vũ Hữu B, Lê Công B, Lê Văn T và Phạm Văn V là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Đối với bị cáo Lê Công C, Lê Hồng B thực hiện hành vi phạm tội tính chất đồng phạm giản đơn, nhất thời phạm tội, không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, nên C, B không có vai trò là người chủ mưu; bị cáo C, B chỉ nói để các bị cáo khác trực tiếp thực hiện việc bắt trói, nên hành vi của bị cáo C, B không có tính chất côn đồ; do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp

với chính Cao trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[7] Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, riêng bị cáo Lê Công B đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích, bị cáo C tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị cáo B là người cao tuổi, có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo C, B, Lê Công B, Vũ Hữu B, T, V ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được cải tạo, dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương, sự phối hợp của gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 đoạn dây thừng, loại dây bẹ, màu xám dài 6,1 mét, đường kính dây 0,012 mét; 01 đoạn dây thừng, loại dây bẹ, màu xám, dài 20,5 mét, đường kính dây 0,008 mét, là công cụ dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra thu giữ 01 tàu cá vỏ gỗ, số đăng ký TH-91390-TS; 01 tàu cá vỏ gỗ, số đăng ký QN-3204-TS và đã trả lại cho chủ sở hữu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Đối với hành vi của Lê Công C gây thương tích cho anh Dương Văn T, anh Dương Văn S, do thương tích không lớn, anh S, anh T không yêu cầu xử lý hình sự, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp pháp luật.

[11] Đối với con dao C dùng chém anh S, anh T; chiếc búa Vũ Hữu B sử dụng trong lúc xô sát với anh T đã bị rơi xuống biển; con dao V dùng chặt dây thừng chới anh S đã vút xổng biển, không thu hồi được và thiệt hại tài sản tàu biển số TH-91390-TS là 300.000 đồng, do bị cáo C, anh T không có ý kiến gì nên không đề cập xử lý.

[12] Về án phí: Các bị cáo Lê Công C, Vũ Hữu B, Lê Công B, Lê Văn T, Phạm Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Lê Hồng B được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Công C, Lê Công B (Lê Hồng B), Vũ Hữu B, Lê Công B, Lê Văn T, Phạm Văn V phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Công C 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/8/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Hồng B 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/8/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vũ Hữu B 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/8/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Công B 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/8/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/8/2019).

Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn V 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/8/2019).

Giao các bị cáo Lê Công C, Lê Hồng B, Vũ Hữu B, Lê Công B, Lê Văn T, Phạm Văn V cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng, loại dây bẹ, màu xám dài 6,1 mét, đường kính dây 0,012 mét và 01 đoạn dây thừng, loại dây bẹ, màu xám, dài 20,5 mét, đường kính dây 0,008 mét (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 16/7/2019 giữa Công an huyện CT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Công C, Vũ Hữu B, Lê Công B, Lê Văn T, Phạm Văn V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Hồng B được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/8/2019). Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện CT;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an huyện CT;
- THAHS, THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn